

Số: 1190/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 04 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung mức phí theo Thông tư số 43/2024/TT-BTC ngày 28/6/2024 của Bộ Tài chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2456/QĐ-BYT ngày 19/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung mức phí theo Thông tư số 43/2024/TT-BTC ngày 28/6/2024 của Bộ Tài chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 80/TTr-SYT ngày 23/8/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung mức phí thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế theo Thông tư số 43/2024/TT-BTC ngày 28/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm tiếp tục tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh (phụ lục đính kèm).

Điều 2. Sở Y tế có trách nhiệm cập nhật và công khai thủ tục hành chính tại Điều 1 Quyết định này vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và tích hợp dữ liệu để công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định (chậm nhất sau 03 ngày làm việc kể từ ngày ký ban hành); niêm yết, công khai các thủ tục hành chính này tại Trung tâm Phục vụ hành chính công và trên Trang thông tin điện tử của Sở; thực hiện giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền, theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2024 đến hết ngày 31/12/2024.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Y tế và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đào Mỹ

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỨC PHÍ THEO THÔNG TƯ
43/2024/TT-BTC CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA SỞ Y TẾ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1190/QĐ-UBND ngày 04 tháng 9 năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Mức Phí từ ngày 01/7/2024 đến 31/12/2024 (đồng/hồ sơ)	Mức Phí từ ngày 01/01/2025 trở đi (đồng/hồ sơ)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I	Lĩnh vực Khám bệnh, chữa bệnh					
1	Cấp mới giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	30 ngày	301.000	430.000	Thông tư số 43/2024/TT-BTC ngày 28/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm tiếp tục tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh	Những nội dung còn lại của TTHC thực hiện theo Quyết định số 2456/QĐ-BYT ngày 19/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế
2	Điều chỉnh giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh	15 ngày	301.000	430.000		

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Mức Phí từ ngày 01/7/2024 đến 31/12/2024 (đồng/hồ sơ)	Mức Phí từ ngày 01/01/2025 trở đi (đồng/hồ sơ)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	đưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng					
3	Cấp lại giấy phép hành nghề đối với trường hợp được cấp trước ngày 01 tháng 01 năm 2024 đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	15 ngày	- Trường hợp (1) hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề đối với trường hợp giấy phép hành nghề bị mất hoặc hư hỏng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 131 Nghị định số 90/2023/NĐ-CP; Trường hợp (12) giấy phép hành nghề được cấp không đúng thẩm quyền quy định tại điểm d khoản 1 Điều 31 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh; Trường hợp (15) người hành nghề đã được cấp chứng chỉ hành nghề trước ngày 01 tháng 01 năm 2024 khi bị mất hoặc hư hỏng: 105.000; - Các trường hợp còn lại: 301.000. (Không thu phí đối với trường	- Trường hợp (1) hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề đối với trường hợp giấy phép hành nghề bị mất hoặc hư hỏng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 131 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP; Trường hợp (12) giấy phép hành nghề được cấp không đúng thẩm quyền quy định tại điểm d khoản 1 Điều 31 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh; Trường hợp (15) người hành nghề đã được cấp chứng chỉ hành nghề trước ngày 01 tháng 01 năm 2024 khi bị mất hoặc hư hỏng:		

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Mức Phí từ ngày 01/7/2024 đến 31/12/2024 (đồng/hồ sơ)	Mức Phí từ ngày 01/01/2025 trở đi (đồng/hồ sơ)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			hợp cấp sai do lỗi của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hành nghề)	150.000; - Các trường hợp còn lại: 430.000. (Không thu phí đối với trường hợp cấp sai do lỗi của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hành nghề)		
4	Cấp mới giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	60 ngày	<ul style="list-style-type: none"> - Bệnh viện: 7.350.000; - Phòng khám đa khoa, nhà hộ sinh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình: 3.990.000; - Phòng khám y học cổ truyền, Phòng chẩn trị y học cổ truyền, Trạm y tế: 2.170.000; - Phòng khám chuyên khoa, Phòng khám liên chuyên khoa, Phòng khám bác sỹ y khoa, Phòng khám răng hàm mặt, Phòng khám dinh dưỡng, Phòng khám y sỹ đa khoa. Cơ sở dịch vụ cận lâm sàng: 3.010.000; 	<ul style="list-style-type: none"> - Bệnh viện: 10.500.000; - Phòng khám đa khoa, nhà hộ sinh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình: 5.700.000; - Phòng khám y học cổ truyền, Phòng chẩn trị y học cổ truyền, Trạm y tế: 3.100.000; - Phòng khám chuyên khoa, Phòng khám liên chuyên khoa. Phòng khám bác sỹ y khoa, Phòng khám răng hàm mặt, Phòng khám dinh dưỡng, Phòng khám y sỹ đa khoa, 		

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Mức Phí từ ngày 01/7/2024 đến 31/12/2024 (đồng/hồ sơ)	Mức Phí từ ngày 01/01/2025 trở đi (đồng/hồ sơ)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			- Các hình thức tổ chức khám bệnh, chữa bệnh khác: 3.010.000	Cơ sở dịch vụ cận lâm sàng: 4.300.000; - Các hình thức tổ chức khám bệnh, chữa bệnh khác: 4.300.000		
5	Cấp lại giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	20 ngày	1.050.000 (Không thu phí đối với trường hợp cấp sai do lỗi của cơ quan cấp)	1.500.000 (Không thu phí đối với trường hợp cấp sai do lỗi của cơ quan cấp)		
6	Điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	Trường hợp không phải thẩm định thực tế tại cơ sở: 20 ngày; Trường hợp phải thẩm định thực tế tại cơ sở: 60 ngày.	- Trường hợp thay đổi thời gian làm việc hoặc thay đổi tên, địa chỉ của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nhưng không thay đổi địa điểm: 1.050.000 - Trường hợp thay đổi quy mô hoạt động, phạm vi hoạt động chuyên môn hoặc bổ sung, giảm bớt danh mục kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; + Bệnh viện, Phòng khám đa khoa, Nhà hộ sinh, Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y	- Trường hợp thay đổi thời gian làm việc hoặc thay đổi tên, địa chỉ của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nhưng không thay đổi địa điểm: 1.500.000 - Trường hợp thay đổi quy mô hoạt động, phạm vi hoạt động chuyên môn hoặc bổ sung, giảm bớt danh mục kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: + Bệnh viện, Phòng khám đa khoa, Nhà		

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Mức Phí từ ngày 01/7/2024 đến 31/12/2024 (đồng/hồ sơ)	Mức Phí từ ngày 01/01/2025 trở đi (đồng/hồ sơ)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			<p>học gia đình, Phòng khám chuyên khoa, Phòng khám liên chuyên khoa, Phòng khám bác sỹ y khoa, Phòng khám răng hàm mặt, Phòng khám dinh dưỡng, Phòng khám y sỹ đa khoa, Cơ sở dịch vụ cận lâm sàng: 3.000.000; + Phòng khám y học cổ truyền, Phòng chẩn trị y học cổ truyền, Trạm y tế: 2.170.000; - Các hình thức tổ chức khám bệnh, chữa bệnh khác: 3.010.000.</p>	<p>hộ sinh, Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình, Phòng khám chuyên khoa, Phòng khám liên chuyên khoa, Phòng khám bác sỹ y khoa, Phòng khám răng hàm mặt, Phòng khám dinh dưỡng, Phòng khám y sỹ đa khoa, Cơ sở dịch vụ cận lâm sàng: 4.300.000; + Phòng khám y học cổ truyền, Phòng chẩn trị y học cổ truyền, Trạm y tế: 3.100.000; + Các hình thức tổ chức khám bệnh, chữa bệnh khác: 4.300.000.</p>		
7	Cấp mới giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương	30 ngày	301.000	430.000		

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Mức Phí từ ngày 01/7/2024 đến 31/12/2024 (đồng/hồ sơ)	Mức Phí từ ngày 01/01/2025 trở đi (đồng/hồ sơ)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	pháp chữa bệnh gia truyền					
8	Cấp lại giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền	15 ngày	- Trường hợp (1) giấy phép hành nghề bị mất hoặc hư hỏng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 21 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP; Trường hợp (8) giấy phép hành nghề được cấp không đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh: 105.000; - Các trường hợp còn lại: 310.000 (không thu phí đối với trường hợp cấp sai do lỗi của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hành nghề)	- Trường hợp (1) giấy phép hành nghề bị mất hoặc hư hỏng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 21 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP; Trường hợp (8) giấy phép hành nghề được cấp không đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh: 150.000; - Các trường hợp còn lại: 430.000 (không thu phí đối với trường hợp cấp sai do lỗi của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hành nghề)		
II Lĩnh vực Trang thiết bị và công trình y tế						
1	Công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế	Trong ngày	2.100.000	3.000.000	Thông tư số 43/2024/TT-BTC ngày 28/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu	Những nội dung còn lại của TTHC thực hiện theo Quyết định số 2456/QĐ-
2	Công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết	Trong ngày	2.100.000	3.000.000		

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Mức Phí từ ngày 01/7/2024 đến 31/12/2024 (đồng/hồ sơ)	Mức Phí từ ngày 01/01/2025 trở đi (đồng/hồ sơ)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	bị y tế thuộc loại B, C, D				một số khoản phí, lệ phí nhằm tiếp tục tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh	BYT ngày 19/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế
3	Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với trang thiết bị y tế thuộc loại A, B	01 ngày	2.100.000	3.000.000		
III Lĩnh vực Y tế dự phòng						
1	Công bố cơ sở đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn trong lĩnh vực gia dụng và y tế bằng chế phẩm	01 ngày làm việc	210.000	300.000	Thông tư số 43/2024/TT-BTC ngày 28/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm tiếp tục tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh	Những nội dung còn lại của TTHC thực hiện theo Quyết định số 2456/QĐ-BYT ngày 19/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế
2	Công bố cơ sở đủ điều kiện sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	01 ngày làm việc	210.000	300.000		
IV Lĩnh vực Y dược cổ truyền						
1	Cấp giấy chứng nhận người có bài thuốc gia truyền, giấy chứng nhận người có phương pháp chữa bệnh gia truyền	20 ngày làm việc	1.750.000	2.500.000	Thông tư số 43/2024/TT-BTC ngày 28/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm tiếp tục tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh	Những nội dung còn lại của TTHC thực hiện theo Quyết định số 2456/QĐ-BYT ngày 19/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế
2	Cấp giấy chứng nhận lương y theo quy định cho các đối tượng quy định tại khoản 1, 2 và khoản 3 Điều 1 Thông tư số 02/2024/TT-BYT	35 ngày làm việc	1.750.000	2.500.000		

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Mức Phí từ ngày 01/7/2024 đến 31/12/2024 (đồng/hồ sơ)	Mức Phí từ ngày 01/01/2025 trở đi (đồng/hồ sơ)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
3	Cấp giấy chứng nhận lương y theo quy định cho các đối tượng quy định tại khoản 4, 5 và khoản 6 Điều 1 Thông tư số 02/2024/TT-BYT	10 ngày làm việc	1.750.000	2.500.000		